

Phụ lục III
Định mức kinh tế - kỹ thuật: Tham gia hội chợ, triển lãm
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	Định mức lao động trực tiếp	234	
<i>1</i>	<i>Định mức giờ công của lao động có chuyên môn</i>	<i>234</i>	
*	Trình độ đại học	234	
-	Ban hành văn bản gửi các địa phương đề xuất chương trình xúc tiến thương mại hàng năm	0,17	
-	Tổng hợp đề xuất của các địa phương	0,17	
-	Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu để lập đề án	3	
-	Xây dựng đề án	28	
-	Ban hành tờ trình, chuẩn bị các giấy tờ liên quan, trình hội đồng thẩm định, Sở Công Thương xem xét phê duyệt	0,33	
-	Chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến Hội đồng thẩm định	0,33	
-	Lập kế hoạch tổ chức tham gia hội chợ	4	
-	Triển khai các bước thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định	16	
-	Hợp đồng với các đơn vị liên quan	8	
-	Làm việc với các đơn vị liên quan để xúc tiến triển khai đề án	8	
-	Mời doanh nghiệp hợp để chọn sản phẩm tham gia	4	
-	Đăng ký, hợp đồng tham gia hội chợ	4	
-	Mượn sản phẩm các doanh nghiệp trong tỉnh, chuẩn bị hồ sơ của các hàng hóa	16	
-	Vận chuyển hàng hóa, vận dụng đi hội chợ, trang trí gian hàng, trưng bày sản phẩm, trực giới thiệu sản phẩm tại gian hàng	128	
-	Kiểm kê, trả hàng hóa cho các doanh nghiệp	8	
-	Lập báo cáo kết quả tham gia hội chợ	2	
-	Soạn thảo và trình ký các hồ sơ nghiệm thu, thanh lý, quyết toán..	4	
<i>2</i>	<i>Định mức giờ công của lao động phổ thông</i>		
II	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ)	36	
*	Trình độ đại học (quản lý)	16	

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
-	Thực hiện phê duyệt các thủ tục liên quan (nếu có) để triển khai đề án; ký hợp đồng thực hiện đề án	8	
-	Chủ trì, theo dõi, giám sát thực hiện	4	
-	Xét duyệt hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán	4	
*	Trình độ đại học (phục vụ)	20	
-	Tham mưu thực hiện các thủ tục liên quan về đấu thầu, ký kết hợp đồng	4	
-	Tham mưu thực hiện nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, lưu trữ hồ sơ	16	

B. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn (Bộ phận lao động trực tiếp thực hiện các nội dung công việc soạn thảo văn bản, báo cáo)	Cấu hình kỹ thuật thông thường	63
2	Máy tính bàn (Kế toán)	Cấu hình kỹ thuật thông thường	10
3	Máy tính bàn (Lãnh đạo)	Cấu hình kỹ thuật thông thường	16
4	Máy in	Cấu hình kỹ thuật thông thường	63
5	Máy photo	Cấu hình kỹ thuật thông thường	12,6

C. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
1	Xăng xe	Lít		17,5	0	100%
2	Giấy A4	Ram		1	50%	100%
3	Mực in	Hũ		1	75%	25%
4	Mực photo	Hũ		1	75%	25%
5	Bút viết	Cây		1	0	100%
6	Bìa đựng tài liệu	Cái		2	0	100%
7	Bấm giấy	Cái		1	90%	10%
8	Ghim bấm	Hộp		1	75%	25%
9	Kẹp giấy	Hộp		1	75%	25%
10	Băng keo	Cuộn		1	75%	25%